

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1531/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;



Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 40/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 4 năm 2024,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa đã được ban hành tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

### 1. Công bố danh mục thủ tục hành chính:

- Ban hành mới 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh (Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động - mã TTHC 1.004987).

- Sửa đổi 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh (Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải - mã TTHC 2.001219).

- Sửa đổi 06 thủ tục hành chính cấp tỉnh (Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu - mã TTHC 2.001215; Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước - mã TTHC 2.001214; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước - mã TTHC 2.001212; Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước - mã TTHC 2.001211; Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát - mã TTHC 2.001218; Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát - mã TTHC 2.001217) sửa đổi cơ quan giải quyết thủ tục hành chính từ cấp tỉnh thành cấp huyện.

### 2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính:



- Ban hành mới 01 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh của 01 thủ tục hành chính (Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động - mã TTHC 1.004987).

- Sửa đổi 01 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh của 01 thủ tục hành chính (Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải - mã TTHC 2.001219).

- Bãi bỏ 06 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của 06 thủ tục hành chính cấp tỉnh (Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu - mã TTHC 2.001215; Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước - mã TTHC 2.001214; Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước - mã TTHC 2.001212; Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước - mã TTHC 2.001211; Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát - mã TTHC 2.001218; Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát - mã TTHC 2.001217)

*(Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ kèm theo)*

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

**Điều 3.** Sở Giao thông vận tải; UBND cấp huyện, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp Sở Giao thông vận tải cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện căn cứ quyết định này xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.



Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính, cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi theo Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải; Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Sơn Hùng**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ UBND CẤP HUYỆN**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH**

S	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.004987	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	+ Đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng đề sát hạch lái xe: trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai quây Sơn Giao thông vận tải (Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cục Giao thông vận tải; - Cơ quan thực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;	Không có	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe (Nghị định 65/2016/NĐ-CP);	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1531/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi tên cơ quan có thẩm quyền giải
					- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;		- Cơ quan phối hợp: Không có.	



S	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phi, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TT			Thời hạn giải quyết hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.				70/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.	trong lĩnh vực đường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
II	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>							
1	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	- Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ - Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải - Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai quây Sở Giao thông vận tải (số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan phối hợp: Không có.	Không có	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019	Nội dung thực hiện theo định Quyết số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung



S	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.	Địa chỉ: <a href="https://dichvucong.don.gov.vn">https://dichvucong.don.gov.vn</a>			của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;	vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

S	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>								
1	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức khác phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp huyện;</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.</li> <li>- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</li> <li>- Cơ quan phối hợp: Không có.</li> </ul>	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước (sau đây viết là Nghị định số 48/2019/NĐ-CP);</li> <li>- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05</li> </ul>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường

S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.	thủ nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải
2	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.donngnai.gov.vn">https://dichvucong.donngnai.gov.vn</a>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp huyện;</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.</li> <li>- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</li> <li>- Cơ quan phối hợp: Không có.</li> </ul>	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;</li> <li>- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.</li> </ul>	<p>Nội dung thực hiện theo Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p>



S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện động vui chơi, giải trí dưới nước	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua <a href="https://dichvucong.don.gov.vn">https://dichvucong.don.gov.vn</a>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp huyện;</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.</li> <li>- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</li> <li>- Cơ quan phối hợp: Không có.</li> </ul>	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện động vui chơi, giải trí dưới nước.</li> </ul>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ
4	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện động vui chơi, giải trí dưới nước	Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp huyện;</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.</li> <li>- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền</li> </ul>	Không có	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;</li> <li>- Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày</li> </ul>	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ



S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.don&lt;br/&gt;gnai.gov.vn">https:// dichvucong.don gnai.gov.vn</a>	hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan phối hợp: Không có.		23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.	Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
5	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị	- Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp ra quyết định công bố, cho phép hoạt động: 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.don&lt;br/&gt;gnai.gov.vn">https:// dichvucong.don gnai.gov.vn</a>	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp huyện; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan phối hợp: Không có.	Không có	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí	Nội dung thực theo hiện Quyết định số 290/QĐ- BGTVT ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy



S TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát					dưới nước;	nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
6	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyên đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.don&lt;br/&gt;gnai.gov.vn">https:// dichvucong.don gnai.gov.vn</a>	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND cấp huyện; - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện; - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; - Cơ quan phối hợp: Không có.	Không có	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 290/QĐ- BGT/VT ngày 22 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.





**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐỒNG NAI**

(ban hành kèm theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Phần I**

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ CẤP TỈNH**

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
I	<b>Lĩnh vực đường bộ</b>					
1	1.004987	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	<p>- Trường hợp có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động;</p> <p>+ Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: trong thời gian</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai	Ban hành mới	4-5



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
			không quá 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch.			
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>					
1	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	<p>- Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải - Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Nai	Sửa đổi	6



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang tại Phần II
			<p>ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.</p>			



## Phần II NỘI DUNG QUY TRÌNH

**1. Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động**

**4.1. Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe**

- Thời hạn giải quyết: trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (10 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng QL Vận tải Phương tiện & Người lái	08 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	01 ngày
Nhận và chuyển kết quả	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày



#### 4.2. Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận

- **Thời hạn giải quyết:** trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (03 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng QL Vận tải Phương tiện & Người lái	1,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Nhận và chuyển kết quả	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày



**2. Thủ tục Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải**

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (06 ngày làm việc)
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân</div>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Nhận hồ sơ từ Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh</div>	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Giải quyết hồ sơ</div>	Phòng QL kết cấu hạ tầng giao thông & ATGT	04 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Ký duyệt hồ sơ</div>	Lãnh đạo Sở GTVT	01 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Nhận và chuyển kết quả</div>	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân</div>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày